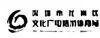


28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

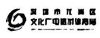


Date

Group 678
Round 8
Board 2

WHITE Ebrahimygho Asad				FED IRJ				RESULT (W)			
BLACK Ma, Wangxueyao				FED CHN				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	C4	G5	21	L4	G6h	41	C4	KB			
2	Q3	a8	22	Rc3	g8	42	Cal	Rd8			
3	4	e8	23	Se2	Rc5	43	Cal	Rd7			
4	Ja	Cal	24	Tc5	L5	44	Rd2	Tc3			
5	Cal	Rd7	25	Rd4	Se8	45	Tc5	Re6			
6	Cb3	Se8	26	Se3	Rc5	46	Tb2	Tc2			
7	Cc3	Rd7	27	Tc5	Ta8	47	Rd3	Tb2			
8	Fd2	b8	28	Tc5	Rd7	48	Tb6	Rd3			
9	Re3	Rd7	29	Tc8	Ta6	49	Tb8	Rd3			
10	L3	Le8	30	Ld5	Ta8	50	Tg8	Tc2			
11	Tc1	L5	31	Fd2	Rd7	51	Rd2	Tc2			
12	Cal	Tb8	32	Tc5	Se8	52	Rd3	Tc2			
13	b4	Se8	33	Cal	Ta8	53	Tb8	Rd3			
14	Gc6	Se8	34	Ld3	Se8	54	Tc2	Tc1			
15	Re3	Se8	35	Ld3	C5	55	Rd2	Tc4			
16	Rd6	Se8	36	Cb3	Rd8	56	Rd8	Rd4			
17	Rd7	Se8	37	Cb3	Rd8	57	Re3	Rd6			
18	Rd1	Se8	38	Se8	Tc2	58	Re3	Rd6			
19	Cb3	Se8	39	Tb2	L4	59	Tc1	Tc3			
20	Cb3	Re3	40	Cb3	Ta8	60	Rd2	Rd6			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group 678
Round 8
Board 2

WHITE Ebrahimygho Asad				FED IRJ				RESULT (W)			
BLACK Ma, Wangxueyao				FED CHN				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Rd3	Tc3	21			41					
2	Rd3	Rd6	22			42					
3	Ld3	Rd6	23			43					
4	Rd3	Tc3	24			44					
5	Rd3	Rd6	25			45					
6	Rd3	Rd6	26			46					
7	Rd3	Rd6	27			47					
8	Rd3	C2	28			48					
9	Rd3		29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



SHEN ZHEN
深圳棋协

深圳棋协

Date

2024.7.25

Group
G1b
Round
8
Board
2

WHITE: Ebrahimi, Dasthi, Asa				FED				RESULT (W)			
BLACK: M. Wang, Xuyao				FED				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	f4	Ne4 5	41	Ne4	Kf5 5.			
2	Nf3 1.31	h6	22	f4	Md2	42	Nd4	Kf7			
3	e4 1.31	e6 1.31	23	13.05	Bd8 10	43	Nf7	Kf7 4.			
4	d4 1.30	c6	24	Rb5	f5 7.10	44	Kg7	Rc3 4.			
5	Nd4 1.30	Qf7 1.32	25	Bb4	Rf6 5	45	Nd7	Ke6 5.			
6	a3 1.30	Nf4	26	Nf7	Bd7 9	46	Rb7	Rf2 4.			
7	Nc5 1.31	Bd7 1.31	27	h6	Qe8 8	47	Kf2	Rf2 4.			
8	Bd2 1.31	b6 1.31	28	Nm	Kf7 7.	48	Rb6	Kf8			
9	Bd2 1.31	Bd7 1.31	29	Rb5	Rb6 7.	49	Rf8	Kg7			
10	f3 1.31	Nc6 1.31	30	Bb5	g6	50	Nb8	Rf7			
11	Rc1 1.31	Nf3 1.25	31	Rd2	Kf7 7.	51	Kf7	Nf2			
12	Nd4 20	Bd8 1.38	32	Rd5	Rf7	52	Kd7	Rf2			
13	b4 1.30	Bd6 61	33	Nd6	Rf7 7.	53	Rd6	Kf5			
14	Nd6 234	Bd6 61	34	Bf3	Bf3	54	Nf2	Bd2 Rf			
15	Bf3 25	Bd6 51	35	g4 1.07	Qd1	55	Kd2	Rf4			
16	b6 25	Bd2 48	36	Nb5	Kf8 5	56	Rf8	Kf8			
17	Qd2 17	Bd2 43	37	Nf3	Kg7 6	57	Rf8	Kf5			
18	Kf1 13	Bd2 43	38	Md5	Nf7 5	58	Rf8	Kf6			
19	Nf1 12	Oc 23	39	Rd2	P4	59	Rd2	Rd4			
20	Nf1 11	Qd2 23	40	Nf3	Rd4 4	60	Kg2 10	Kd5			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



SHEN ZHEN
深圳棋协

深圳棋协

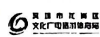
Date

2024.7.25

Group
G1b
Round
8
Board
2

WHITE: Ebrahimi, Dasthi, Asa				FED				RESULT (W)			
BLACK: M. Wang, Xuyao				FED				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kf7	Rd3	21			41					
2	Kf4	Kd6 08	22			42					
3	Kf6	Kd4	23			43					
4	Kd3	Rd3	24			44					
5	Rd3	f6	25			45					
6	Rd8	Kd4	26			46					
7	Rd8	Kd3	27			47					
8	Kf4	Rd2	28			48					
9	Nf3		29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

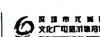


Date 23/07

Group G16
Round 8
Board 3

WHITE Dang Le Xuan Hien				FED VIE				RESULT (W) 1			
BLACK Le Thai Hoang Anh				FED VIE				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Mf3 130	d5 130	21	Nd3 10	Mc3 7	41	f4 3				
2	e3 131	Mf6 130	22	Xc3 8	Xe4 7	42					
3	c4 130	e6 130	23	Xc7 8	Xd4 6	43					
4	Mc3 130	Te7 127	24	Xd7 9	Hf8 6	44					
5	b3 129	b6 126	25	ed 9	Tc8 6	45					
6	Tb2 129	Tb7 126	26	Xe1 9	f5 6	46					
7	cd 129	ed 125	27	Xd5 4	Tg4 6	47					
8	d4 128	o-o 122	28	f3 5	Te6 6	48					
9	Te2 127	Mbd7 119	29	Xde5 5	Hd6 6	49					
10	o-o 127	Me4 115	30	Mf4 5	Hd4 5	50					
11	Xc1 125	a6 113	31	Me6 5	fe 6	51					
12	Hc2 119	Xc8 112	32	Xe6 6	Vh7 6	52					
13	Xfd1 117	Md8 108	33	Xde2 5	a5 6	53					
14	Me5 101	c5 102	34	Vh2 5	A4 6	54					
15	dc 101	Tc5 102	35	Xge4 4	Hd6 6	55					
16	Hd3 55	Xe8 57	36	Vg1 4	Hf6 6	56					
17	Me4 42	Me4 43	37	Xe5 4	Hd8 5	57					
18	Tg4 29	Xc7 36	38	Vh2 3	Vh6 6	58					
19	Td4 18	Td4 16	39	Xde4 3	g6 6	59					
20	Hd4 14	Hd6 11	40	Xg4 3	Hf6 6	60					
SIGNATURE (WHITE) Hien				SIGNATURE (BLACK) Anh				SIGNATURE (ARBITER) 2			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23/7/26

Group G16
Round 8
Board 3

WHITE Dang Le Xuan Hien				FED VIE				RESULT (W) 1			
BLACK Le Thai Hoang Anh				FED VIE				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Mf3 130	c5 130	21	Md3	Mc3	41	f4				
2	e3 131	Mf6	22	Xc3	Xe4	42					
3	c4 130	e6	23	Xc7	Xd4	43					
4	Mc3	Te7 127	24	Xd7	Hf8	44					
5	b3 129	b6 126	25	ed	Tc8	45					
6	Tb2 129	Tb7	26	Xe1	h5	46					
7	cd	ed 125	27	Xd5	Tg4	47					
8	d4 128	o-o 122	28	h3	Te6	48					
9	Te2 127	Mbd7 119	29	Xe5	Hd6	49					
10	o-o 127	Me4 115	30	Mf4	Hd4	50					
11	Xc1 125	a6 113	31	Me6	fe	51					
12	Hc2 119	Xc8 112	32	Xe6	Vh7	52					
13	Xfd1 117	Md8 108	33	Xe2	a5	53					
14	Me5 101	c5 102	34	Vh2	h4	54					
15	dc 101	Tc5 102	35	Xge4	Hd6	55					
16	Hd3 55	Xe8 57	36	Vg1	Hf6	56					
17	Me4 42	Me4 43	37	Xe5	Hd8	57					
18	Tg4 29	Xc7 36	38	Vh2	Vh6	58					
19	Td4 18	Td4 16	39	Xc4	g6	59					
20	Hd4 14	Hd6 11	40	Xg4	Hf6	60					
SIGNATURE (WHITE) Hien				SIGNATURE (BLACK) Anh				SIGNATURE (ARBITER) 2			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23.07.27

Group G-16
Round 4
Board 4

WHITE Zol-Uchral Erdenesaikhan				FED Mongolia				RESULT (W) 0			
BLACK Iudina Veronika				FED Russia				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	h6	21	h5	h5	41					
2	c4	e6	22	g5	g5	42					
3	nc3	cb4	23	qg6	h5	43					
4	e3	q-o	24	h5	h6	44					
5	cd2	d5	25	qes	h5	45					
6	h3	b6	26	qet	h6	46					
7	cp	ed	27	qet	h6	47					
8	cd3	cd6	28	h6	h5	48					
9	hes	cb7	29	cc5	h5	49					
10	nc1	a6	30	hes	nc8	50					
11	o-o	c5	31	ey	d2	51					
12	h4	hbd7	32	nd3	d1q	52					
13	qf3	b5	33	h5	qca	53					
14	qhd	h6	34	h5	nc7	54					
15	dc	cc5	35	ed	qcl	55					
16	h4	h4	36	h5	qf4	56					
17	h4	de	37	h5	nc3	57					
18	nc5	ed	38	bc	qes	58					
19	h5	fs	39	h5	cd5	59					
20	hes	h6	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Zol-Uchral				SIGNATURE (BLACK) Iudina				SIGNATURE (ARBITER) An			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.28

Group G-16
Round 8
Board 4

WHITE Zol-Uchral Erdenesaikhan				FED MGL				RESULT (W) 0			
BLACK Iudina Veronika				FED RUS				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	g6	21	h5	h5	41					
2	c4	g6	22	qf5	h5	42					
3	nc3	h4	23	qg6	h5	43					
4	e3	h4	24	h5	h6	44					
5	bd2	d5	25	qes	h5	45					
6	h3	b6	26	qet	h6	46					
7	cd	ed	27	qet	h6	47					
8	bd3	bd6	28	h6	h5	48					
9	hes	h6	29	cc5	h5	49					
10	nc1	a6	30	hes	nc8	50					
11	o-o	c5	31	ey	d2	51					
12	h4	hbd7	32	nd3	d1q	52					
13	qf3	b5	33	h5	qca	53					
14	qhd	h6	34	h5	nc7	54					
15	dc	cc5	35	ed	qcl	55					
16	h4	h4	36	h5	qf4	56					
17	h4	de	37	h5	nc3	57					
18	nc5	ed	38	bc	qes	58					
19	h5	fs	39	h5	cd5	59					
20	hes	h6	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Zol-Uchral				SIGNATURE (BLACK) Iudina				SIGNATURE (ARBITER) An			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



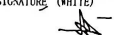
Date
23-7-2026

13:18

Group
G/6

Round
8

Board
5

WHITE Arnu Marikhah Birt Mad AAF				FED MAS		RESULT (W) 1		
BLACK Xikmatkhonova Makhmur				FED UZB		RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	d5	21	Rh5	Qh6	41	Lt4	f6
2	e3	Nf6	22	Qxe4	Res	42	Rxe	h6
3	c4	e6	23	Qf3	Bg8	43	Rd2	h6
4	Ne3	b6	24	Rfc1	Rd8	44	Rd6	f6
5	b3	c5	25	Bg	Nf5 ^{up}	45	Axg8	h8
6	gxd5	Qd6	26	Bxh2 ²⁶	Nh4	46	xf8	Rxf8
7	d4	Qb6 ¹²²	27	Qx4	Qx4	47	Kg4	Rg1
8	¹²¹ Bb2	Nc6	28	Bc4	Bc4	48	R8e	f6
9	Bc2	Bd6	29	Nxg4	Ng8	49	Kx2	h6
10	0-0	0-0 ¹⁰⁹	30	Rd5	Rd8	50	Rh2	h6
11	dxcs ¹¹⁶	bxs	31	g3	h6	51	Rg5	Rd1
12	Rc1	Ne7	32	g5	h5	52	Kx4	h3
13	Na4	Ne4 ¹²²	33	h2	Rd2	53	h4	h8
14	Nd2 ¹²⁸	Qc7	34	h3	Rd2	54	R8e	f6
15	Nxg4 ¹¹⁴	g4	35	h2	Nd4	55	R8e	f6
16	h3	Rd7	36	g4	g6	56	Rd6	f6
17	Nd4	Bc5	37	h3	Rd8	57	Rd5	f6
18	Bd4	Rd8	38	Rd2	h8	58	Rc9	f6
19	Rxc5	Qd6	39	f3	f6	59	Rc2	f6
20	Qc2	Qd6 ¹²²	40	f5	Rd6	60	Rd3	Rd3
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
								

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
23-7-2026

13:18

Group
G/6

Round
8

Board
5

WHITE			Arnu / mardina			FED		UZB		RESULT (W)		1		
BLACK			Xikmatkhonova			FED		UZB		RESULT (B)		0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Q5	Rh5	21	Qd6	Rg8	41								
2	Rd4	Qd1	22	Fb8		42								
3	h4	Rh4	23			43								
4	Rd3	Rd8	24			44								
5	Re3	Rf1	25			45								
6	Rd3	Rd6	26			46								
7	Qd5	Rd6	27			47								
8	h6	Rd6	28			48								
9	Rd4	Rd1	29			49								
10	R2xh3	Rd4	30			50								
11	h6	R2xh3	31			51								
12	R2xh3	Rd4	32			52								
13	Re3	Rf8	33			53								
14	h4	Rg8	34			54								
15	Q3	h4	35			55								
16	Kd6	Q5	36			56								
17	Qd6	h4	37			57								
18	h6	Qf	38			58								
19	Fd7	Rg	39			59								
20	R2f	h4	40			60								
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)								
														

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23.09.2026

13.18

Group G16

Round 8

Board 5

FED MAS

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED UZB

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED MAS

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED UZB

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED MAS

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED UZB

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED MAS

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED UZB

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED MAS

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED UZB

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED MAS

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED UZB

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED MAS

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED UZB

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED MAS

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED UZB

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED MAS

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED UZB

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED MAS

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23.09.2026

13.18

Group G16

Round 8

Board 5

FED MAS

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED UZB

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED MAS

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED UZB

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED MAS

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED UZB

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED MAS

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED UZB

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED MAS

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED UZB

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED MAS

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED UZB

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED MAS

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED UZB

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED MAS

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED UZB

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED MAS

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED UZB

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

FED MAS

RESULT (W) 1

RESULT (B) 0

(2-21)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 03.07.26.

Group G16
Round 8
Board 6

WHITE Vu Nguyen Bao Linh				FED VIE				RESULT (W) 1			
BLACK Agamuradova Mahri				FED TKM.				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4.	C6.	21	Kd2.	Qd6	41					
2	d4.	d5.	22	Qf3.	Qb5.	42					
3	Kc3.	d5e.	23	Cd4.	Qd4.	43					
4	Kve4.	Kbd2.	24	Nd4.	-Kpg3	44					
5	Kf3.	Kg4.	25	Kd6	Cb6.	45					
6	Ki4.	Ki4.	26	Nd4	Qb2	46					
7	C3.	e6.	27	Kd4.	Cb6.	47					
8	Kes.	Cd6.	28	Nd6.	Kb6.	48					
9	Cf4.	Qd4.	29	Qb7.	Qd7	49					
10	Qf3.	Qd.	30	Nb6.		50					
11	Cb3.	C5.	31			51					
12	Qd.	Kd5.	32			52					
13	Cg3.	Qd.	33			53					
14	Kp4.	Qg3.	34			54					
15	hg.	Qd.	35			55					
16	Qd.	Cd4.	36			56					
17	Qd4.	Qd.	37			57					
18	Nd4.	Qb6.	38			58					
19	Kf4.	Nes.	39			59					
20	Q3.	Q5.	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 28.07.26.

Group G16
Round 8
Board 6

WHITE Vu Nguyen Bao Linh				FED VIE				RESULT (W) 1			
BLACK Agamuradova Mahri				FED TKM.				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4.	C6	21	Nd2	Qd6	41					
2	d4.	d5	22	Qf3	Qd4	42					
3	Nc3	d6	23	Bc4	Qd4	43					
4	Nd4	Nd7	24	Nd4	Kg7	44					
5	Nf3	Ng6	25	Nd6	Bc6	45					
6	Nf6	Nf6	26	Rcd1	Qb2	46					
7	ac3	e6	27	Nb8	Be8	47					
8	Nd5	Bd6	28	Re6	Nb6	48					
9	Bf4	Qc7	29	Qb7	Bf7	49					
10	Qf3	O-O	30	Rb8		50					
11	Bd3	c5	31			51					
12	O-O	Nd5	32			52					
13	Bg3	f6	33			53					
14	Nc4	Bg3	34			54					
15	hg	cd	35			55					
16	cd	Ba7	36			56					
17	Qc4	g6	37			57					
18	Rac1	Qb8	38			58					
19	Rfe1	Re8	39			59					
20	a3	a5	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		FED		RESULT (W)	
Zhu Yanxiao		Golovatenko, Eva		CHN		1	
BLACK		FED		RESULT (B)		Date	
Golovatenko, Eva		RUS		0		7.23	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	e4	e5	21	Bc5	cd	41	12 A3
2	Nf3	Nc6	22	Rd4	Rf7	42	12 B3
3	d4	ed	23	Bc5	Rf7	43	12 B3
4	Nd4	Bd7	24	Qar	16	44	12 A3
5	Nb3	Bb6	25	Nd4	13	45	12 A3
6	Nc3	Nge7	26	fe	af7	46	12 A3
7	Bg5	f6	27	1c6	13	47	12 A3
8	Bh4	0-0	28	12 A1	af7	48	12 A3
9	Qd2	d6	29	1c6	13	49	12 A3
10	0-0	12 A1	30	12 A1	13	50	12 A3
11	Bd3	f5	31	1c6	13	51	12 A3
12	h4	12 A1	32	1c6	13	52	12 A3
13	f3	af7	33	1c6	13	53	12 A3
14	a4	Bc6	34	1c6	13	54	12 A3
15	Nd4	Ba7	35	1c6	13	55	12 A3
16	Bd5	1c8	36	1c6	13	56	12 A3
17	h5	f6	37	1c6	13	57	12 A3
18	h6	g7	38	1c6	13	58	12 A3
19	Qd3	1c8	39	1c6	13	59	12 A3
20	Bc6	b6	40	1c6	13	60	12 A3
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
Zhu		Gol					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		FED		RESULT (W)	
Zhu, Y.		Golovatenko, E.		CHN		1	
BLACK		FED		RESULT (B)		Date	
Golovatenko, E.		RUS		0		7.23	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	e4	e5	21	Lc6	cd	41	04
2	Nf3	Nc6	22	Cd6	NP	42	103
3	d4	ed	23	Cc5	PF	43	145
4	Nd4	Bd7	24	Pd6	06	44	145
5	Nb3	Bb6	25	Ld4	10	45	145
6	Nc3	Nge7	26	Cc5	PF	46	145
7	Bg5	f6	27	Ld4	10	47	145
8	Bh4	0-0	28	15	PF	48	145
9	Qd2	d6	29	Lc6	Cc5	49	145
10	0-0	12 A1	30	Pd6	1:50	50	145
11	Bd3	f5	31	Ld4	10	51	145
12	h4	12 A1	32	Ld4	10	52	145
13	f3	af7	33	Ld4	10	53	145
14	a4	Bc6	34	Ld4	10	54	145
15	Nd4	Ba7	35	Ld4	10	55	145
16	Bd5	1c8	36	Ld4	10	56	145
17	h5	f6	37	Ld4	10	57	145
18	h6	g7	38	Ld4	10	58	145
19	Qd3	1c8	39	Ld4	10	59	145
20	Bc6	b6	40	Ld4	10	60	145
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
Zhu		Gol					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

12221

Group		B-10	
Round		8	
Date		23	
Board		8	
WHITE		KAZ	
BLACK		RUS	
RESULT (W)		1	
RESULT (B)		0	

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	b3	Kd5	41		
2	c4	c6	22	e4	Kb6	42		
3	Kc3	Kf6	23	Cb5	J:C1	43		
4	Kf3	dc	24	C:C1	E5	44		
5	d4	Cf5	25	de	q:C5	45		
6	C3	C6	26	qE3	Kd8	46		
7	Cc4	Cb4	27	Cc4	Kc4	47		
8	Q-Q	Q-Q	28	Qa7	Kp7	48		
9	h3	h6	29	Cc3	b5	49		
10	qB3	C5	30	db	K:b5	50		
11	Kd2	Kc6	31	q:a5	qC3	51		
12	K:b4	C6	32	Kp7	Kd5	52		
13	Cd2	Kd5	33	Cd5	Kc2	53		
14	q:d1	Jc8	34	Cb6	qB2	54		
15	qE2	Kf6	35	Kp7	Kd3	55		
16	Kd5	d5	36	Jf1	Jc2	56		
17	K:c6	J:c6	37	Jf2	qC1+	57		
18	f3	Cg6	38	Kp7	qf4	58		
19	JdC1	q:d6	39	g3	q:f3	59		
20	Jf:d1	JdC2	40	qC5		60		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

12221

Group		GK	
Round		8	
Date		23.08.26	
Board		8	
WHITE		FCD	
BLACK		KA2	
RESULT (W)		1	
RESULT (B)		0	

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	B5	Nd5	41		
2	c4	C6	22	e4	Nb6	42		
3	Nc3	Nf6	23	Bb5	Rc2	43		
4	Nf3	dc	24	Bc4	E5	44		
5	a4	Bf5	25	de	Qc3	45		
6	c3	e6	26	Bb6	Nf8	46		
7	Bc4	Bb4	27	Bc4	Nc7	47		
8	O-O	O-O	28	Qd4	Kh5	48		
9	h3	h6	29	Bc3	E5	49		
10	Qb3	C5	30	Q	Nf5	50		
11	Nd2	Nc6	31	Qd5	Qc3	51		
12	Nb4	Q	32	h	Nf3	52		
13	Bd2	Nd5	33	Bd5	Nc2	53		
14	Qd4	R5	34	Bb	Qc2	54		
15	Qc2	Nf6	35	Kg1	Nb3	55		
16	Nc5	a5	36	h	Qc2	56		
17	Nc6	Rc6	37	Rf2	Bc4	57		
18	f3	Bf6	38	h	E5	58		
19	Rc8	Qd6	39	g3	Qf3	59		
20	Rd1	Rd7	40	g		60		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		Akashaya Sathu		FED		India		RESULT (W)		1/2	
BLACK		Liu Dijia		FED		China		RESULT (B)		1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bu35	Bc4 62	41	h5	glt			
2	Nf3	Nc6	22	Ru45	Rfd8	42	Kh5	kg7			
3	d4	cd4	23	Rd18 32	Qd8	43	Ng5	an			
4	Nd4	g6	24	Rxc5	Qd14	44	Ra7	Ran			
5	C4 87	Bg7 92	25	lca2	Qd2	45	Rd7	fg			
6	Bc3	Nf6	26	f2	Qxg2	46	kg5	kg7			
7	Nc3	d6	27	Rb5	Qa2	47	fg	Ra5			
8	Bc2	Nxd4	28	Rb7	Rg5	48	cr	fs			
9	Bxd4	O-O	29	Qb5	Ra8	49	Rb5	Ra7			
10	O-O	Bd7 92	30	a5	Re8	50	Rb6	Ra1			
11	Ru181	Bc6 92	31	Kh3	h5	51	Qc	fg			
12	Qc2 80	Nd7 91	32	Qe5	Qc	52	Rb7	Rg1			
13	Bg7 74	Ng7 92	33	Kh2	Qg4	53	kg7	kg7			
14	Rfd1 74	a5 90	34	Kh3	Qc1	54	Rg1	Rb1			
15	b3 72	Rb6 85	35	Qd4	Qc5	55	Rg2	kg5			
16	Qb2 86	kg8 84	36	Qd7	Qd7	56	Kh5	Rb2			
17	h4 59	Ne5 70	37	Rd7	kg5	57	Rg7	kg8			
18	C5 50	d15 63	38	g4	h4	58	Rg1	kg1			
19	Nd5 49	Bd5	39	kg4	Ra8	59	Rg7	kg8			
20	Qc5 42	Bc6 62	40	Rd3	Rb4	60	Rg5	kg7			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Aut				Liu Dijia							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		Anshaya		FED				RESULT (W)		1/2	
BLACK		Liu		FED				RESULT (B)		1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Rg7	kg8	21			41					
2			22			42					
3			23			43					
4			24			44					
5			25			45					
6			26			46					
7			27			47					
8			28			48					
9			29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Aut				Liu Dijia							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G16
Round 8
Date 2026.7.23
Board 9

WHITE Akshaya Sathu				FED IND				RESULT (W) 1/2			
BLACK Liu, Dijia				FED CHN				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bc4	Bc4	41	h5	g9h5			
2	Nf3	Nc6	22	Rd4	Rd8	42	Kh5	kg7			
3	d4	cd4	23	Rd8	Qd8	43	kg5	a4			
4	Nd4	g6	24	Rd5	Qd1	44	g4p	Raxp			
5	c4	Bg7	25	Kh2	Qd2	45	Rd7	f6			
6	Bc3	Nf6	26	Bf3	Qd2	46	Kf5	Kf5			
7	Nc3	d6	27	Rb5	Qa3	47	f4	Ra5			
8	Bc2	Nd4	28	Rb7	Ra8	48	e5	fe5			
9	Bd4	0-0	29	Qb5	Ra8	49	fe5	Rb5			
10	0-0	Bd7	30	Qe5	Rc8	50	Ra7	Rb6			
11	Rc1	Bb6	31	Kh3	h5	51	Ra1	e6+			
12	Qc2	Nd7	32	Qb5	Qd8	52	kg5	Rb7			
13	Bg7	kg7	33	Kh2	Qf4	53	Rf1	kg7			
14	Rfd1	g5	34	Kh3	Qc1	54	Rf6	Rb6			
15	B3	Qb0	35	Qd4	Qc8	55	Rg6	Kf7			
16	Qb2	kg8	36	Qd7	Qd7	56	Kh6	Rb2			
17	h4	Nb5	37	Rd7	1-f8	57	Rb7	Kf8			
18	C5	dc5	38	g4p	kg4	58	Ra6	Kf7			
19	Nd5	Bd5	39	kg4	Rb8	59	Rb7	Kf8			
20	Rb5	Bc6	40	Rd3	Rb4	60	Ra5	Kf7			
SIGNATURE (WHITE) <i>Akshaya Sathu</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Liu, Dijia</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>[Signature]</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G16
Round 8

Date 2026.7.23
Board 9

WHITE Akshaya				FED				RESULT (W) 1/2			
BLACK Liu, Dijia				FED				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Rg7	Kf8	21			41					
2			22			42					
3			23			43					
4			24			44					
5			25			45					
6			26			46					
7			27			47					
8			28			48					
9			29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Akshaya</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Liu, Dijia</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>[Signature]</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

12:38

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4.	c5.	21	Nc3.	Bd5.	41					
2	Nf3.	d6.	22	Nc3.	Bxf3.	42					
3	Bb5+.	Nd7.	23	gxf3.	Qxf3.	43					
4	d4.	cxd4.	24	Qg4.	Qxg4.	44					
5	Qxd4.	a6.	25	hxf4.	Neb.	45					
6	Bxd7+.	Qxd7.	26	Nxb5.	d5.	46					
7	O-O.	e5.	27	Ct.	Rc2b8.	47					
8	Qd3.	Qc6.	28	Cxd5.	Ng5.	48					
9	Nc3.	Be6.	29	Bxg5.	Bg5.	49					
10	Rd1.	Rc8.	30	Rc5.	Ra5.	50					
11	h3.	b5.	31	af.	Rxa4.	51					
12	a3.	Nf6.	32	Res.	Bt6.	52					
13	Be3.	h6.	33	Rf5.	Rag4+.	53					
14	Rc1.	Bc4.	34	Kf1.	Rb4.	54					
15	Qd2.	Be7.	35	dh.	Kf8.	55					
16	Rcd1.	a5.	36	RQd5.	Rbe.	56					
17	Ne2.	Nxe4.	37	dh.	Rd8.	57					
18	Qxas.	O-O.	38	Rf7.	Ra2.	58					
19	Nc3.	Ra8.	39	Nb7.		59					
20	Qb4.	Nc5.	40			60					

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

12:38

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4.	c5.	21	Ne2.	Bd5.	41					
2	Nf3.	d6.	22	Nc3.	Bf3.	42					
3	Bb5.	Nd7.	23	gf.	Qf3.	43					
4	d4.	cd:	24	Qg4.	Qg4.	44					
5	Qd4.	a6.	25	hg:	Neb.	45					
6	Bd7.	Qd7.	26	Nb5.	d5.	46					
7	O-O.	e5.	27	cu.	Rfb8.	47					
8	Qd3.	Qc6.	28	cd:	Ng5.	48					
9	Nc3.	Be6.	29	Bg5.	Bg5.	49					
10	Rd1.	Rc8.	30	Rc5.	Ra5.	50					
11	h3.	b5.	31	ay.	Rax.	51					
12	a3.	Nf6.	32	Rex.	Rt6.	52					
13	Be3.	h6.	33	Rf5.	Rag4+.	53					
14	Rac1.	Bc4.	34	Kf1.	Rb4.	54					
15	Qd2.	Be7.	35	dh.	Kf8.	55					
16	Rcd1.	a5.	36	Rtd5.	Rbe.	56					
17	Ne2.	Nxe4.	37	dh.	Rd8.	57					
18	Qxas.	O-O.	38	Rf7.	Ra2.	58					
19	Nc3.	Ra8.	39	Nb7.		59					
20	Qb4.	Nc5.	40			60					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23/7/2026

Board 11

WHITE				BLACK				FED				RESULT			
Huyhn Phuc Minh Phuong				Zarkym Ailin				VIE				0			
Zarkym Ailin				KAZ				KAZ				1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	c5	21	Rd1	b5	41									
2	Nf3	d6	22	Be2	Ne7	42									
3	c3	Nf6	23	QR3	Nd5	43									
4	Be2	g6	24	g3	e4	44									
5	O-O	Bg7	25	e4	Ne7	45									
6	Bb5	Nc6	26	cb	ab	46									
7	d4	O-O	27	Nb5	Qc2	47									
8	dc	Ne4	28	Na3	Ra3	48									
9	cd	Nd6	29	ba	Rd2	49									
10	Be2	Qc7	30	Rc1	Qd2	50									
11	Nab	e5	31	Rc2	Rd2	51									
12	Be3	Rfd8	32	Rb7	e3	52									
13	Qc1	Nf5	33	fe	Md5	53									
14	Bc5	b6	34	Qf4	g5	54									
15	Be3	Bb7	35	Qb5	Ne3	55									
16	Ng5	h6	36	Rc1	Re1	56									
17	Ne4	Ne3	37			57									
18	Qe3	f5	38			58									
19	Bc4	Rd7	39			59									
20	Nd9	Qb6	40			60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Board 11

WHITE				BLACK				FED				RESULT			
Huyhn Phuc Minh P				Zarkym Ailin				VIE				0			
Zarkym Ailin				KAZ				KAZ				1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	c5	21	Rd1	b5	41									
2	Nf3	d6	22	Be2	Ne7	42									
3	c3	Nf6	23	Oh3	Nd5	43									
4	Be2	g6	24	g3	ch	44									
5	O-O	Bg7	25	ch	Ne7	45									
6	Bb5	Nc6	26	Cxb5	axb5	46									
7	d4	O-O	27	Nxb5	Oo2	47									
8	dxc5	Nxe4	28	Na3	Ra3	48									
9	exd6	Nxd6	29	bxa3	Rxd2	49									
10	Be2	Qc7	30	Rc1	Qa2	50									
11	Na3	e5	31	Rc2	Rd2	51									
12	Be3	Rd8	32	Rxb2	e3	52									
13	Och	Nf5	33	fxb3	Nd5	53									
14	Bc5	h6	34	Oh4	g5	54									
15	Be3	Bb7	35	Oh5	Ne3	55									
16	Ng5	h6	36	Rc1	Re1	56									
17	Ne4	Nxe3	37			57									
18	Qe3	f5	38			58									
19	Bc4	Rd7	39			59									
20	Nd2	Qb6	40			60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23.7.26

Group C16
Round 8
Board 12

WHITE Wu, Yiting				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Feng, Sophia				FED NZL				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	nf2	bc7	41					
2	nf3	eb	22	ah3	g6	42					
3	d4	cd	23	ne4	nb6	43					
4	nd4	nc6	24	ed	bh4	44					
5	nc3	ac7	25	ng5	bg5	45					
6	ber	ag	26	fg	cs	46					
7	ber	nf6	27	ag3	ra1	47					
8	o-o	ber	28	bx3	kg1	48					
9	fx	db	29	re3	nd6	49					
10	ae1	o-o	30	bd4	fc	50					
11	ag3	nd4	31	gf	kt7	51					
12	bd4	bs	32	zh3		52					
13	ag	bs7	33			53					
14	bd3	rad8	34			54					
15	kh1	rd7	35			55					
16	ree	res	36			56					
17	nd1	ad8	37			57					
18	bc2	bfg	38			58					
19	es	nd5	39			59					
20	bd2	kh8	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Wu, Yiting				SIGNATURE (BLACK) [Signature]				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.24

Group C16
Round 8
Board 12

WHITE Wu, Yiting				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Feng, Sophia				FED NZL				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	ex.	cs.	21	nf2	be7	41					
2		nf3	22		gh3	42					
3	dv.	cd.	23	Ne4.	Nbb.	43					
4		Ndv.	24		ed.	44					
5	Nch.	ac7.	25	Ngs.	Bg5.	45					
6		ber.	26		fg.	46					
7	Ber.	nf6.	27	ag3.	ra8.	47					
8		o-o.	28		ber.	48					
9	fx.	db.	29	Re1.	ndc.	49					
10		ae1.	30		bd4.	50					
11	ag3.	nd4.	31	gf.	kt7.	51					
12		bd4.	32		gh3.	52					
13	ab.	bb7.	33			53					
14		bd3.	34		rad8.	54					
15	ich.	rd7.	35			55					
16		Ree.	36		Res.	56					
17	Nd1.	ad8.	37			57					
18	Bch.	bf8.	38			58					
19	es.	nd5.	39			59					
20	Bd2.	kh8.	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Wu, Yiting				SIGNATURE (BLACK) [Signature]				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			

11242

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23.05.26

Group U-16

Round 08

Board 13

WHITE Ding, Xingyi				FED China				RESULT (W) 1			
BLACK Jannatul Preety				FED Ban				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	d5	Nc5	41					
2	e4	e6	22	Qc8	h3	42					
3	Nf3	Nf6	23	Bxe5	dxe5	43					
4	e3	e6	24	Qf4	Bb1	44					
5	Bd3	dxe4	25	Bxf3	Bc7	45					
6	Bxe4	b5	26	Nc6	Qd6	46					
7	Bd3	a6	27	g3	Nc4	47					
8	O-O	Nbd7	28	Nd5	Bb6	48					
9	a4	Bb7	29	Rc6	Qd8	49					
10	e5	Bc7	30	Nf5	Nd7	50					
11	axb5	cxb5	31	Nxh6	g7h6	51					
12	Qe2	h6	32	Qd6	Nf6	52					
13	Bd2	Nb6	33	Rxg6	Rxg6	53					
14	Ba6	O-O	34	Qxg6	Kf7	54					
15	Nbd2	Nd7	35	Bxh6		55					
16	Nb3	Bd6	36			56					
17	Bd2	Rc8	37			57					
18	Rf2	e5	38			58					
19	Nc5	Ba6	39			59					
20	Rxe8	Nc8	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Dxy				SIGNATURE (BLACK) Preety				SIGNATURE (ARBITER) W			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.23

Group G16

Round 8

Board 13

WHITE Ding Xingyi				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Jannatul Preety				FED BAN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	d5	Nc5	41					
2	e4	e6	22	Rc1 1:08	Re8 51	42					
3	Nf3	Nf6	23	h3 54	Bd5 40	43					
4	e3	e6	24	ed 51	c4 37	44					
5	Bd3	d6	25	Bb1	of	45					
6	Bc4	b5	26	Qf3	Bc7 33	46					
7	Bd3	ab	27	h3 54	d6 32	47					
8	o-o	Nbd7	28	g3	na4	48					
9	a4	Bb7	29	Nd4 41	Bb6 22	49					
10	e4	Be7	30	Re6 38	Re8 41	50					
11	ab	cb 1:30	31	Na5 34	Ne7 20	51					
12	Qe2 1:55	h6 1:20	32	h6 1:22	gh	52					
13	Bd2 1:13	QNb6	33	Qd4	mg6	53					
14	Ba5 1:26	Qc0 1:16	34	Rg6	fg	54					
15	Nb2 1:25	Nf6 1:14	35	Qd6	Kf8	55					
16	Nb3 1:22	Bd6 1:12	36	Bb6	h7	56					
17	Bd2 1:19	Re8 1:10	37			57					
18	Rf2 1:16	e5 1:01	38			58					
19	Na5 1:12	Ba8 59	39			59					
20	Rc1 1:10	Nc8 57	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Dxy				SIGNATURE (BLACK) Preety				SIGNATURE (ARBITER) W			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Aishath Iva Hassan		Artitaya K.		MDV		THA		RESULT (W)		RESULT (B)	
#		#		#		#		#		#	
1	d4	d5	21	Qxh4	Bxh4	41	Rc6+	Kd5			
2	Bf4	Nf6	22	Rd7	a5	42	Rxb6	Rc8			
3	e3	e6	23	Rb7	Bf6	43	a5	Rc2			
4	Nf3	c5	24	Rd1	g6	44	e6	Rxg2			
5	c3	Nc6	25	Kc2	kg2	45	o7	Rc2			
6	Nbd2	b6	26	Kb5	Bc5	46	Rg6	Rxc6			
7	Bd3	Be7	27	Kc4	e5	47	Kxg6	f4			
8	e4	dxe4	28	Re1	Kf6	48	g8=Q	Kd4			
9	Nxe4	cxg4	29	Rd7	Kc1	49	Qf3				
10	Qa4	Bd7	30	Rd1	h5	50					
11	Nxd4	Nxd4	31	b4	axb4	51					
12	Qxd4	O-O	32	cx4	Bd4	52					
13	O-O-O	Bc6	33	Rxd4	exd4	53					
14	Nxf6+	Bxf6	34	Rxd4	Rc8	54					
15	Qc4	Qc8	35	Rd2	g5	55					
16	Bd4	Bxe4	36	Kb5	Rb8	56					
17	Qxe4	Qc5	37	a4	f5	57					
18	Bd6	Qxf2	38	Kc6	Ra8	58					
19	Bxf8	Rxf8	39	Kb5	Rb8	59					
20	Qe4	Qh4	40	Rc2	Ra8	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Aishath Iva Hassan		Keongamareon, Artitaya		MDV		THA		RESULT (W)		RESULT (B)	
#		#		#		#		#		#	
1	d4	d5	21	Qxh4	Bxh4	41	Kc6+	Kd5			
2	Bf4	Nf6	22	Rd7	a5	42	Rxb6	Rc8			
3	e3	e6	23	Rb7	Bf2	43	a5	Rc2			
4	Nf3	c5	24	Rd1	g6	44	a6	Rxb2			
5	c3	Nc6	25	Kc2	kg7	45	a7	Ra2			
6	Nbd2	b6	26	Kb3	Bc5	46	Ka6	Rxa6			
7	Bd3	Be7	27	Kc4	e5	47	Kxa6	f7			
8	e4	dxe4	28	Re1	Kf6	48	a8=Q	Kd4			
9	Nxe4	cxg4	29	Rd7	Kd6	49	Qf3				
10	Qa4	Bd7	30	Red1	h5	50					
11	Nxe7	Nxg7	31	b4	axb4	51					
12	Qxd7	O-O	32	cx6	Bd7	52					
13	O-O-O	Bc6	33	Rxd7	exd7	53					
14	Nxf6+	Bxf6	34	Rxd7	Ra8	54					
15	Qc4	Qc8	35	Rd2	g5	55					
16	Be4	Bxe4	36	Kb5	Rb8	56					
17	Qxe4	Qc5	37	a7	f5	57					
18	Bd6	Qxf2	38	Kc6	Ra8	58					
19	Bxf8	Rxf8	39	Kb5	Rb8	59					
20	Qe4	Qh4	40	Rc2	Ra8	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

1/250

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

03 July

Group G16
Round 8
Board 15

WHITE Jie Jingfei				FED JPN				RESULT (W) 1/2			
BLACK Saita Tawankajana				FED THA				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	h4	Nb4	41					
2	Nf3	C6	22	Ng5	Bxg5	42					
3	d4	cxd4	23	hxg5	Nxd3	43					
4	Nxd4	Nc6	24	Rxd3	Racd3	44					
5	Be3	Qc7	25	Qd3	Qc6	45					
6	Nf3	Nf6	26	f3	b5	46					
7	Bd3	a6	27	axb5	axb5	47					
8	a4	b6	28	Nd6	b4	48					
9	O-O	Ng4	29	Qd4	Ba6	49					
10	Re1	Nee3	30	Qxb4	c2	50					
11	Rxe3	bc5	31	Nc4	Bxc4	51					
12	Re1	Bb7	32	bxc4	Qc7	52					
13	c3	O-O	33	Rxc2	Qc5	53					
14	Nd2	Be7	34	Qd2	Qc5+	54					
15	Qe2	Be8	35			55					
16	Rac1	d5	36			56					
17	e5	Qd7	37			57					
18	b3	dh	38			58					
19	Nc4	dxg3	39			59					
20	Rd1	Qc7	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

1/250

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

07/23

Group G16
Round 8
Board 15

WHITE Jie Jingfei				FED JPN				RESULT (W) 1/2			
BLACK Tawankajana Sasina				FED THA				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c4	21	h4	Nb4	41					
2	Nf3	eb	22	Ng5	Bxg5	42					
3	d4	cxd4	23	hxg5	Nxd3	43					
4	Nxd4	nc6	24	Rxd3	Rxd3	44					
5	Be3	ac7	25	Qxd3	Qc6	45					
6	Nf3	Nf6	26	f3	b5	46					
7	Bd3	a6	27	axb5	axb5	47					
8	a4	b3	28	Nd6	b4	48					
9	O-O	Ng4	29	Qd4	Ba6	49					
10	Re1	Nxe3	30	Qxd4	c2	50					
11	Rxe3	Bc6	31	Nc4	Bxc4	51					
12	Re1	Bb7	32	bxc4	Qc7	52					
13	c3	O-O	33	Rxc2	Qc5	53					
14	Nd2	Be7	34	Qd2	Qc5+	54					
15	Qe2	Rd8	35			55					
16	Rac1	d5	36			56					
17	e5	Qd7	37			57					
18	b3	d4	38			58					
19	Nc4	dxg3	39			59					
20	Rd1	Qc7	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

10:22

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

23.07.2026

Group

G16

Round

8

Board

16

WHITE				BLACK				FED				RESULT (W)			
Muminova Zakiyabonu				Duwal, Shresha				TJK				1			
BLACK				WHITE				FED				RESULT (B)			
Duwal, Shresha				Muminova Zakiyabonu				NEP				0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	c6	21			41									
2	d4	d5	22			42									
3	f3	dxe	23			43									
4	fxe	Nf6	24			44									
5	e5	Nfd7	25			45									
6	Bd3	Ng6	26			46									
7	Nf3	Bb4	27			47									
8	c3	e6	28			48									
9	Ngd2	Be7	29			49									
10	Ne4	O-O	30			50									
11	O-O	f6	31			51									
12	Nf2	Bxf3	32			52									
13	Qxf3	fxe	33			53									
14	Qh3	g6	34			54									
15	Qxe6+	Rf7	35			55									
16	Ng4	Qd5	36			56									
17	Nh6+	Kg7	37			57									
18	Rxf7+	th8	38			58									
19	Qxe7		39			59									
20			40			60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

23 July

Group

G16

Round

8

Board

16

WHITE				BLACK				FED				RESULT (W)			
Muminova Zakiyabonu				Duwal, Shresha				TJK				1			
BLACK				WHITE				FED				RESULT (B)			
Duwal, Shresha				Muminova Zakiyabonu				NEP				0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	c6	21			41									
2	d4	d5	22			42									
3	f3	dxe4	23			43									
4	fxe4	Nf6	24			44									
5	e5	Nd7	25			45									
6	Bd3	Nb6	26			46									
7	Nf3	Bg4	27			47									
8	c3	e6	28			48									
9	Nd2	Be7	29			49									
10	Nf3	O-O	30			50									
11	O-O	f6	31			51									
12	Nf2	BxNf3	32			52									
13	Qxf3	fxe3	33			53									
14	Qh3	g6	34			54									
15	Qxe6	Rf7	35			55									
16	Ng4	Qd5	36			56									
17	Nh6	Kg7	37			57									
18	Rxf7	Kh8	38			58									
19	Qxe7		39			59									
20			40			60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

10:28

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE				BLACK				FED				RESULT			
Syeda Minahil Abdul Rahman				Chen Yan Yu				PAK				1/2			
Chen Yan Yu				TPE				1/2							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	d5	21	Bc4	Be6	41									
2	Nf3	Nf6	22	Nd4	Rfe8	42									
3	c4	g6	23	Nxe6	Oxe6	43									
4	h3	Bg7	24	Bxd5	cx d5	44									
5	Bg5	0-0	25	Oxb7	Kh6	45									
6	e3	Nbd7	26	Qc7	Rac8	46									
7	Nc3	c6	27	Qa7	Oxe5	47									
8	Be2	e6	28	Qa3	Ra8	48									
9	0-0	Qc7	29	Qb3	Rb8	49									
10	Bf4	Qd8	30	Qc3	Oxc3	50									
11	Rc1	Ne4	31	Rxc3	Rxc3	51									
12	Nxe4	dx e4	32	a3	Kg5	52									
13	nd2	f5	33	Rd4	Kf6	53									
14	Qb3	nb6	34	Kh2	Ke5	54									
15	f3	e5	35	c6	Rc8	55									
16	Bre5	Bre5	36	Rc5	Rb3	56									
17	c5	rd5	37	Rxd5	Kd6	57									
18	dx e5	ex f3	38	Rc3	Rxa3	58									
19	Nxf3	Kg1	39	Rd6	Ke5	59									
20	Rfd1	Qe7	40	Rd5	Kc6	60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
[Signature]				[Signature]				[Signature]							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE				BLACK				FED				RESULT			
Syeda Minahil Abdul Rahman				Chen Yan Yu				PAK				1/2			
Chen Yan Yu				TPE				1/2							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	d5	21	Bc4	Be6	41									
2	Nf3	Nf6	22	Nd4	Rfe8	42									
3	c4	g6	23	Nxe6	Oxe6	43									
4	h3	Bg7	24	Bxd5	cx d5	44									
5	Bg5	0-0	25	Oxb7	Kh6	45									
6	e3	Nd7	26	Qc7	Rac8	46									
7	Nc3	c6	27	QXa7	QXa5	47									
8	Bb2	e6	28	Qa3	Ra8	48									
9	0-0	Qc7	29	Qb3	Rab8	49									
10	Bf4	Qd8	30	Qb3	QXb3	50									
11	Rc1	Ne4	31	RXXb3	RXb2	51									
12	NXe4	dx e4	32	a3	Kg5	52									
13	Nd2	f5	33	Rd4	Kf6	53									
14	Qb3	Nb6	34	Kh2	Ke5	54									
15	f3	e5	35	c6	Rc8	55									
16	BXe5	BXe5	36	Rc5	Rb3	56									
17	c5+	Nd5	37	RcXd5+	Ke6	57									
18	dx c5	ex f3	38	Rd3	RXa3	58									
19	NXf3	Kg7	39	Rd6	Ke5	59									
20	Kf1d1	Qe7	40	Rd5	Ke6	60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
[Signature]				[Signature]				[Signature]							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

23.07.2026

Group

G2-16

Round

08

Board

01

WHITE				BLACK				FED				RESULT (W)			
Theephiqaa-K-P				IND								1/2			
BLACK				FED				RESULT (B)							
Tong.Yiji												1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	B4(82)	C5(70)	21	Bb3(14)	Qe6(70)	41	Qa7	Qd4							
2	Nf3(84)	Nc6(91)	22	Bxd5(7)	Qd5(70)	42	Nc3	Kc6							
3	Bb5(80)	a6(91)	23	Nf3(3)	Nb6(70)	43	Qc5	Qd7							
4	Ba4(85)	Nf6(92)	24	Qc1(2)	g5(70)	44	Qc2+	f5							
5	0-0(80)	Be7(92)	25	Be3f	Nc4	45	Qc5	Qe6							
6	Rc1(81)	b5(92)	26	Nf1	Bd6	46	Qb6	f4							
7	Bb3(80)	d6(92)	27	b3	Nxc3	47	Ng4	Qd6							
8	c3(83)	0-0(93)	28	Nxc3	Qe6	48	Nes+	Kf5							
9	h3(85)	Nb8(90)	29	Qc2	Nd5	49	Nf7	Qe6							
10	d4(80)	Nb6(90)	30	Re1	Re8	50	Qc5+	Kg6							
11	Nb6(80)	Bb7(90)	31	Kch1	Bt4	51	Nes+	Kf6							
12	Bc2(70)	Re8(90)	32	Ad2	Qc6	52	Ng4+	Kg7							
13	Nf3(77)	Bf8(94)	33	Ad3	Nb4	53	Nes	h5							
14	Ng3(75)	Q5(95)	34	Qb1	Bx03	54	Qa7	Kt6							
15	Bg5(60)	h6(94)	35	Rxe3	Nd5	55	QLe	Kt5							
16	Bd2(53)	g6(94)	36	Rxe8	Qxe8	56	Qf8+	Qf6							
17	Nh2(40)	d5(70)	37	Qf5	Nc7	57	Qe8	Qd6							
18	exd5(20)	exd4(30)	38	Qc5	c6	58	Qf8+	Kc4							
19	Rxe8(25)	Qxe8(70)	39	Nes	f6	59	Nxc6	Kc4							
20	Cxd4(30)	Bxd5(70)	40	Ng4	Kg7	60	f3+	Kc3							
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

23.07.2026

Group

G2-16

Round

08

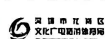
Board

01

WHITE				BLACK				FED				RESULT (W)			
Theephiqaa-K-P				IND								1/2			
BLACK				FED				RESULT (B)							
Tong.Yiji												1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	Qx5	Qxc6	21	d7	Qx3	41									
2	Qc5	Qd7	22	Qe6+	Ka3	42									
3	d5+	Kd3	23	Qd6+	Kc4	43									
4	Qc6	Qe7	24	Qc6+	Kb4	44									
5	Qxb5+	Kc2	25	Qxf3	Qe1+	45									
6	Qc6+	Kb2	26	Kh2	Qh4+	46									
7	Qe6	Qh7	27	Qh3	Qe7	47									
8	d6	g4	28	Qg4	Kc5	48									
9	Qe4	Qd7	29	Qd1	Qd+	49									
10	Qe2+	Ka1	30	Qc1+	Kb5	50									
11	Qe5+	Ka2	31	Qd1	Kc6	51									
12	Qxg5+	Kc3	32	Kh3	Qg5	52									
13	Qb6+	Ka2	33	Kh2	Qd+	53									
14	Qc7	Qa4	34	Qf3+	Kc5(0)	54									
15	Qf7+	Kb2	35	Qc1(0)		55									
16	hrg4	Qd1+	36	Repetition Draw		56									
17	Kh2	Qe1	37			57									
18	Qg7+	Kb3	38			58									
19	Qe7	Qg3+	39			59									
20	Kg1	hrg4	40			60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

13-38

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

2026.7.23

Group

916

Round

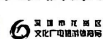
8

Board

1

WHITE				BLACK				FED				RESULT (W)			
Theephigan, K P				Tong, Yiyi								1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	B4	B5	21	B3	B6	41	B7	B8	21	B7	B8	41	B7	B8	21
2	N3	N6	22	B5	9	42	N3	K6	22	N3	K6	42	N3	K6	22
3	B5	B6	23	N3	3	43	B5	B7	23	B5	B7	43	B5	B7	23
4	B4	N4	24	B1	2	44	B2	H	24	B2	H	44	B2	H	24
5	O-O	B7	25	B3	N4	45	B5	B6	25	B5	B6	45	B5	B6	25
6	R1	B5	26	N1	B6	46	B6	H	26	B6	H	46	B6	H	26
7	B3	B6	27	L3	N3	47	N4	B6	27	N4	B6	47	N4	B6	27
8	C3	O-O	28	N3	B6	48	N5	K5	28	N5	K5	48	N5	K5	28
9	H3	N8	29	B2	N5	49	N7	B6	29	N7	B6	49	N7	B6	29
10	N4	N6	30	R1	R8	50	B5	K6	30	B5	K6	50	B5	K6	30
11	N6	B7	31	K1	B4	51	N5	K6	31	N5	K6	51	N5	K6	31
12	B2	R8	32	B2	B6	52	N4	K7	32	N4	K7	52	N4	K7	32
13	N4	B7	33	B3	N4	53	N5	K5	33	N5	K5	53	N5	K5	33
14	N3	B5	34	B1	B3	54	N7	K6	34	N7	K6	54	N7	K6	34
15	B5	H6	35	R3	N5	55	B5	K4	35	B5	K4	55	B5	K4	35
16	B2	B6	36	R8	B8	56	B7	B6	36	B7	B6	56	B7	B6	36
17	N1	N5	37	B5	N7	57	B8	B6	37	B8	B6	57	B8	B6	37
18	B1	B1	38	B5	C6	58	B7	K4	38	B7	K4	58	B7	K4	38
19	R8	B8	39	N5	H6	59	N6	N5	39	N6	N5	59	N6	N5	39
20	C1	B5	40	N4	K7	60	L3	K3	40	L3	K3	60	L3	K3	40
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

2026.7.23

Group

916

Round

8

Board

1

WHITE				BLACK				FED				RESULT (W)			
Theephigan, K P				Tong, Yiyi								1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	B5	B6	21	B1	H	41			21			41			21
2	B5	B7	22	B6	K3	42			22			42			22
3	B5	K3	23	B6	K4	43			23			43			23
4	B6	B7	24	B6	K4	44			24			44			24
5	B5	K2	25	B7	B1	45			25			45			25
6	B6	K2	26	K2	B4	46			26			46			26
7	B6	B7	27	B3	B7	47			27			47			27
8	B6	B4	28	B4	K5	48			28			48			28
9	B4	B7	29	B1	B8	49			29			49			29
10	B2	K1	30	B1	K5	50			30			50			30
11	B5	K2	31	B1	K6	51			31			51			31
12	B5	K3	32	K3	B5	52			32			52			32
13	B6	K2	33	K2	B8	53			33			53			33
14	B7	B4	34	B3	K5	54			34			54			34
15	B7	K2	35	B1	K6	55			35			55			35
16	H	B1	36			56			36			56			36
17	K2	B1	37			57			37			57			37
18	B7	K3	38			58			38			58			38
19	B7	B3	39			59			39			59			39
20	K1	H	40			60			40			60			40
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

13-38